

Số: 2643/QĐ-UBND

Cẩm Xuyên, ngày 24 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất của 68 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức để thực hiện Dự án: Cải tạo đường dây 971 TGCX lên vận hành cấp điện áp 22KV Qua địa bàn các xã: Cẩm Quan, Nam Phúc Thăng và thị trấn Cẩm Xuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ/CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cẩm Xuyên;

Xét đề nghị của UBND xã Cẩm Quan tại Tờ trình số: 127/TTr-UBND ngày 19/4/2021, UBND xã Nam Phúc Thăng tại Tờ trình số: 103/TTr-UBND ngày 18/03/2021 và thị trấn Cẩm Xuyên tại Tờ trình số: 180/TTr-UBND ngày 07/4/2021 về việc đề nghị thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo đường dây 971 TGCX lên vận hành cấp điện áp 22KV Qua địa bàn các xã: Cẩm Quan, Nam Phúc Thăng và thị trấn Cẩm Xuyên và đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi diện tích 505,5m² đất (trong đó: Đất ở diện tích 203m², đất vườn ao liền kề đất ở 4,5m², đất nông nghiệp giao ổn định theo Nghị định 64 là 195,4m², đất nông nghiệp khai hoang là 77,1m², đất công ích UBND xã quản lý là 18m², đất khác là 7,5m²) của 68 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức tại các xã: Cẩm Quan, Nam Phúc Thăng và thị trấn Cẩm Xuyên để thực hiện dự án: Cải tạo đường dây 971 TGCX lên vận hành cấp điện áp 22KV đoạn qua các xã: Cẩm Quan, Nam Phúc Thăng và thị trấn Cẩm Xuyên theo dự án đã được phê duyệt.

(Tên chủ sử dụng, số thửa, số tờ bản đồ, diện tích đất được thể hiện tại hồ sơ GPMB dự án, biểu tổng hợp chi tiết kèm theo và đo đạc chính lý thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hà Tĩnh xác lập).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất, giao nộp lại bản gốc các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất đã được cấp cho UBND các xã: Cẩm Quan, Nam Phúc Thăng và thị trấn Cẩm Xuyên để thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính trước khi ký nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Luật Đất đai.

2. Ủy ban nhân dân các xã: Cẩm Quan, Nam Phúc Thăng và thị trấn Cẩm Xuyên có trách nhiệm:

- Bàn giao quyết định này cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức; trường hợp các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị, tại hội quán các thôn có liên quan.

- Quản lý chặt chẽ diện tích đất thu hồi tại quyết định này khi chưa có Quyết định giao đất, cho thuê đất, biên bản bàn giao đất của cơ quan có thẩm quyền cho chủ đầu tư triển khai dự án; thu hồi lại bản gốc các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất đã cấp liên quan đến phần diện tích thu hồi nêu tại Điều 1 Quyết định này trước khi cho hộ dân ký nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính.

3. UBND các xã: Cẩm Quan, Nam Phúc Thăng và thị trấn Cẩm Xuyên, các tổ chức có liên quan thu hồi bản gốc các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất đã cấp liên quan đến diện tích thu hồi tại Điều 1 Quyết định này để thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý và lưu trữ hồ sơ địa theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã: Cẩm Quan, Nam Phúc Thăng và thị trấn Cẩm Xuyên, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị có liên quan và hộ ông (bà) có đất bị thu hồi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *rd*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: TNMT, TCKH;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
CHỖ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 971 TGCX LÊN VẬN HÀNH CẤP ĐIỆN ÁP 22KV ĐOẠN QUA CÁC XÃ: CẨM QUAN, NAM PHÚC THẮNG VÀ THỊ TRẤN CẨM XUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên)

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Tổng diện tích thu hồi	Nguồn gốc sử dụng đất (m ²)						Ghi chú
							Đất ở	Đất vườn ao liền kề với đất ở (m ²)	Đất NN giao ổn định cho hộ dân	Đất NN hộ dân khai hoang	Đất công ích UBND xã quản lý	Đất khác	
I	Xã Nam Phúc Thắng					84,6	16,3	-	62,9	-	-	5,4	
1	Nguyễn Đình Kháng	Thôn 5	143	7	1418,1	8,3	0	0	8,3	0	0	0	
2	Hoàng Duy Bắc	Thôn 5	64	7	2870	11,4	0	0	11,4	0	0	0	
3	Nguyễn Văn Quý	Thôn 5	25	22	291,4	7,5	7,5	0	0	0	0	0	
4	Nguyễn Đình Hoàn	Thôn 5	22	22	678,7	3,9	3,9	0	0	0	0	0	
5	Nguyễn Sỹ Thanh	Thôn 5	28	27	325,8	3,5	3,5	0	0	0	0	0	
6	Hoàng Duy Phúc	Thôn 5	40	27	554,7	1,4	1,4	0	0	0	0	0	
7	Nguyễn Thừa Niễn	Thôn 4	227	8	81,3	8,3	0	0	8,3	0	0	0	
8	Nguyễn Thị Lộc	Thôn 4	205	8	811,4	3,0	0	0	3	0	0	0	
9	Trần Viết Hiến	Thôn 4	204	8	1324	3,2	0	0	3,2	0	0	0	
10	Trần Viết Quế	Thôn 4	208	8	1585,2	8,3	0	0	8,3	0	0	0	
11	Lê Thị Nguyệt	Thôn 4	152	8	995,5	9,0	0	0	9	0	0	0	
12	Nguyễn Thị Thanh	Thôn 4	1	7	1207,7	11,4	0	0	11,4	0	0	0	
13	Trường THPT Cẩm Xuyên	Thôn 5	93	23	25829,1	5,4	0	0	0	0	0	5,4	
II	Xã Cẩm Quan					68,0	26,2	-	33,5	8,3	-	-	
1	Phạm Văn Phương	Thôn Mỹ Am	834	12	602,6	14,4	0	0	14,4	0	0	0	
2	Bùi Thị Loan	Thôn Mỹ Am	839	12	1060	2,9	0	0	2,9	0	0	0	
3	Nguyễn Văn Lục	Thôn Thiện Nộ	19	57	1962,3	3,4	3,4	0	0	0	0	0	
4	Phan Văn Phúc	Thôn Thanh Mỹ	137	17	742,9	8,3	0	0	0	8,3	0	0	
5	Ngô Phúc Hùng	Thôn Vĩnh Phú	162	10	825	4,8	0	0	4,8	0	0	0	
6	Nguyễn Văn Khương	Thôn Vĩnh Phú	170	10	734	11,4	0	0	11,4	0	0	0	
7	Phan Thị Nơ (thửa 2)	Thôn Thanh Sơn	44	63	4464,2	4,9	4,9	0	0	0	0	0	
8	Phan Thị Nơ (thửa 1)	Thôn Thanh Sơn	38	63	1075,1	6,5	6,5	0	0	0	0	0	
9	Lê Thị Phương	Thôn Thanh Sơn	21	63	3354,3	11,4	11,4	0	0	0	0	0	
III	Thị trấn Cẩm Xuyên					352,9	160,5	4,5	99,0	68,8	18,0	2,1	
1	Hoàng Hữu Khâm	TDP 3A	22	45	2031,2	9,0	9	0	0	0	0	0	
2	Đặng Minh Huệ	TDP 3A	9	45	2704,4	4,1	4,1	0	0	0	0	0	
3	Trần Thị Diễm	TDP 3A	4	45	2803,6	10,4	10,4	0	0	0	0	0	
4	Nguyễn Như Dũng	TDP 3A	66	41	250	3,7	3,7	0	0	0	0	0	
5	Đặng Đình Thông	TDP 3A	67	41	250	3,6	3,6	0	0	0	0	0	
6	Trần Huy Thâu	TDP 3A	130	36	3108,4	13,6	13,6	0	0	0	0	0	
7	Trần Thị Rang (chồng Lê Văn Hà)	TDP 3A	109	36	2936,5	4,2	4,2	0	0	0	0	0	



rd

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Tổng diện tích thu hồi	Nguồn gốc sử dụng đất (m2)						Ghi chú
							Đất ở	Đất vườn ao liền kề với đất ở (m2)	Đất NN giao ổn định cho hộ dân	Đất NN hộ dân khai hoang	Đất công ích UBND xã quản lý	Đất khác	
8	Trương Văn Nam	TDP 3A	94	36	1867,5	1,5	1,5	0	0	0	0	0	
9	Lê Hữu An	TDP 3A	80a	36	944	4,3	4,3	0	0	0	0	0	
10	Đất nhà thờ họ Lê (đại diện họ tộc, ông Lê Hữu An)	TDP 3A	80	36	277,4	2,1		0	0	0	0	2,1	
11	Lê Hữu Tùng	TDP 4A	67	36	1479,6	9,0	9	0	0	0	0	0	
12	Lê Hữu Dẫn	TDP 4A	43	36	1037,3	9,0	9	0	0	0	0	0	
13	Trương Thanh Vân	TDP 4A	34	36		6,6	6,6	0	0	0	0	0	
14	Hoàng Hữu Tịnh - Hoàng Minh Tý	TDP 4A	18	36	3191,8	5,7	5,7	0	0	0	0	0	
15	Đặng Thị Hà	TDP 4A	116	31	2140,3	4,5	4,5	0	0	0	0	0	
16	Phan Quốc Đông	TDP 6A	142	32	1931	13,9	13,9	0	0	0	0	0	
17	Trần Đình Thi	TDP 6A	119	32	2359,9	13,9	13,9	0	0	0	0	0	
18	Nguyễn Thị Từ	TDP 6A	107	32	1768,4	9,0	9	0	0	0	0	0	
19	Trần Thị Thiệu	TDP 6A	99	32	1755,7	4,5	4,5	0	0	0	0	0	
20	Lê Cảnh Thành	TDP 6A	80	32	548,5	4,5		4,5	0	0	0	0	
21	Phan Anh	TDP 6A	71	32	526,6	13,9	13,9	0	0	0	0	0	
22	Trần Văn Tăng	TDP 6A	43	32	2309,5	13,9	13,9	0	0	0	0	0	
23	Trần Văn Nam	TDP 6A	19	32	2979,8	2,2	2,2	0	0	0	0	0	
24	Nguyễn Thị Liêm	TDP 2A	32	45	1176,8	13,9		0	0	13,9	0	0	
25	Bùi Quang Giám	TDP 10	530	5	2799,7	3,9		0	3,9	0	0	0	
26	Trần Thị Tam	TDP 10	446	5	554,3	2,5		0	0	2,5	0	0	
27	Hoàng Văn Lâm	TDP 10	378	5	3903,7	9,0		0	0	0	9	0	
		TDP 10	216	5	1258	9,0		0	0	0	9	0	
28	Nguyễn Đình Trọng	TDP 10	149	5	586,9	6,8		0	0	6,8	0	0	
29	Trần Thị Tam	TDP 10	135	5	291,9	1,2		0	0	1,2	0	0	
30	Nguyễn Đình Trúc (vợ Nguyễn Thị Huệ)	TDP 10	77	5	1227,4	4,5		0	0	4,5	0	0	
31	Nguyễn Đình Lai	TDP 10	58	5	326,8	4,5		0	0	4,5	0	0	
32	Trần Lý Quán	TDP 10	806	2	408,8	11,4		0	0	11,4	0	0	
33	Hoàng Văn Thắng	TDP 10	758	2	521,7	9,0		0	0	9	0	0	
34	Trần Huy Thống	TDP 10	701	2	330,2	7,5		0	0	7,5	0	0	
35	Bùi Thị Thương	TDP 8	24	8	977,2	5,5		0	5,5	0	0	0	
36	Ngô Văn Tý	TDP 8	57	8	662,2	5,9		0	5,9	0	0	0	
37	Ngô Sỹ Anh	TDP 8	1070	8	743,4	6,5		0	6,5	0	0	0	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Tổng diện tích thu hồi	Nguồn gốc sử dụng đất (m ²)						Ghi chú
							Đất ở	Đất vườn ao liền kề với đất ở (m ²)	Đất NN giao ổn định cho hộ dân	Đất NN hộ dân khai hoang	Đất công ích UBND xã quản lý	Đất khác	
38	Nguyễn Xuân Mai	TDP 8	1071	6	748,5	1,8	0	1,8	0	0	0		
39	Nguyễn Xuân Hương	TDP 8	26	8	540,9	4,9	0	4,9	0	0	0		
40	Ngô Đức Thuận	TDP 8	27	8	811,8	11,4	0	11,4	0	0	0		
41	Bùi Quang Ân	TDP 8	1079	6	693,3	11,4	0	11,4	0	0	0		
42	Bùi Quang Ngọ	TDP 8	1045	6	755,6	8,3	0	8,3	0	0	0		
43	Lưu Văn Vy	TDP 8	1048	6	741,3	7,5	0	7,5	0	0	0		
44	Trần Mai Tơ	TDP 8	1049	6	944,6	0,8	0	0,8	0	0	0		
45	Trương Thê Khoa	TDP 8	1019	6	622,4	8,3	0	8,3	0	0	0		
		TDP 8	1022	6	139	7,5	0	0	7,5	0	0		
46	Hoàng Văn Huấn	TDP 6	941	6	2260,1	11,4	0	11,4	0	0	0		
47	Đậu Xuân Mạnh	TDP 6	987	6	1567,8	11,4	0	11,4	0	0	0		
Tổng					37972,9	505,5	203,0	4,5	195,4	77,1	18,0	7,5	

